



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 881/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 12/05/2025 Trang/ Page: 1/2
--------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: <i>Customer:</i>	CÔNG TY TNHH HIKOSEN CARA	
2. Địa chỉ kiểm tra: <i>Place of test:</i>	Đường số 1, KCN Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	
3. Đối tượng thử nghiệm: <i>Type of testing:</i>	Tủ tụ bù hạ thế <i>Low voltage capacitor cabinet</i>	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: <i>Quantity/Installation location:</i>	10 Tủ/Tủ CAP <i>10 Capacity/Capacity Panel</i>	
5. Phương pháp thử nghiệm: <i>Method of testing:</i>	TN/QT-26; TCVN 8083-1:2009; IEC60831-1; IEC60358-1:2012; Tài liệu NSX/ <i>Manufacturer's documentation.</i>	
6. Thời gian thực hiện: <i>Inspection Date:</i>	11/05/2025	
7. Thông số kỹ thuật: <i>Specification:</i>	Loại/ <i>Type:</i>	PRT.4025/ MKD440-D-25.0
	Điện dung/ <i>Capacitance:</i>	Không rõ/ NA
	Dung lượng tụ/ <i>Capacitor capacity:</i>	25 kvar
	Điện áp/ <i>Rated voltage:</i>	400
	Số quản lý/ <i>Serial No:</i>	Không rõ/ NA
	Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture:</i>	2005
8. Phương tiện thử nghiệm: <i>Testing equipment:</i>	Kyoritsu 3125A; Metrel MI 3252; HVT-70/50; ZGS-200kV/5mA; U1733C; Fluke 87V; Fluke 287C; Fluke 355	
9. Điều kiện môi trường: <i>Environmental conditions:</i>	$(32 \pm 2)^{\circ}\text{C}$; $(60 \pm 5)\% \text{RH}$	
10. Kết quả thử nghiệm: <i>Testing result:</i>	Xem trang sau <i>See next page</i>	
11. Tem thử nghiệm: <i>Testing stamp no:</i>	541/25/ETSC	
12. Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Xem trang sau <i>See next page</i>	
13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 05/2026 <i>Recommended next testing period:</i>		

Người Thực Hiện
Executor

Nguyễn Hoàng Thiện

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Quốc Hoàn



TN/QT-26/M01

Ban hành lần 2



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CERTIFICATE OF TESTING

Ngày/ Date: 12/05/2025
Trang/ Page: 2/3

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check: Không phát hiện bất thường/ Pass.

Tên chỉ tiêu Content	Mức quy định cho phép The level of provisions allowing	Kết quả thử nghiệm/ Result	Đánh giá Assess
Vệ sinh, quan sát bên ngoài Hygiene, outside observation	Thiết bị còn nguyên vẹn, không bị nứt hay hư hỏng các bộ phận cách điện, dẫn điện	Còn tốt/ Good	Đạt/ Pass
Thao tác chọn các chức năng bằng tay Manually select the functions manually	The equipment remains intact, electrical conductors and insulators are not cracked or damaged.	Thao tác tốt/ Good	Đạt/ Pass

10.2 Đo điện trở cách điện của tủ/ Insulation resistance measurement of cabinet:

Stt No	Đối tượng đo Items	Mức quy định Standard level (MΩ)	Kết quả Result (MΩ)	Đánh giá Evaluate
01	Phase A - (B+C+N+Vỏ)	≥ 0.5	> 100	Đạt/ Pass
02	Phase B - (C+A+N+Vỏ)	≥ 0.5	> 100	Đạt/ Pass
03	Phase C - (B+A+N+Vỏ)	≥ 0.5	> 100	Đạt/ Pass

10.3 Thử nghiệm điện áp tăng cao tần số công nghiệp/ High voltage test at 50Hz

Đối tượng đo The object of measurement	Điện áp thử nghiệm The voltage of testing	Thời gian thử nghiệm The time of testing	Kết quả đo Measurement results
A – (B + C + Vỏ)	2 kV	10 s	Chịu được/ Pass
B – (A + C + Vỏ)	2 kV	10 s	Chịu được/ Pass
C – (B + A + Vỏ)	2 kV	10 s	Chịu được/ Pass

10.4 Thử nghiệm Tụ/ Check for Capacitor:

Stt No	Hiệu Tụ Capacitor type	Điện dung (μF) Capacitance	Điện trở cách điện (MΩ) Insulation resistance	Đánh giá Evaluate
1	ENERLUX	112-115	> 100	Đạt/ Pass
2		113-114	> 100	Đạt/ Pass
3		1-3	/	Không đạt/ Failure
4		114-117	> 100	Đạt/ Pass
5		1-4	/	Không đạt/ Failure

Số/ No: 881/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 12/05/2025 Trang/ Page: 3/3
--------------------------	--	--

10.4 Thử nghiệm Tụ/ Check for Capacitor:

Stt No	Hiệu Tụ Capacitor type	Điện dung (μ F) Capacitance	Điện trở cách điện (M Ω) Insulation resistance	Đánh giá Evaluate
6	EPCOS	0-2	/	Không đạt/ Failure
7		111-115	> 100	Đạt/ Pass
8		114-116	> 100	Đạt/ Pass
9		112-114	> 100	Đạt/ Pass
10		111-115	> 100	Đạt/ Pass

12. Kết luận/ Conclusion:

- 07 Tụ bù hạ thế vận hành bình thường (Tụ số 1,2,4,7,8,9,10)
05 Low voltage capacitor operates normally (Capacitor No. 1,2,4,7,8,9,10)
- 05 Tụ bù hạ thế suy giảm điện dung (Tụ số 3,5,6)
05 Capacitance loss low voltage capacitors (Capacitors No. 3,5,6)

